TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 457/2018/HSST
Ngày: 20/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Long
2. Ông Trần Quảng Thái

- Thư ký phiên tòa:Bà Ma Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chiến- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường tòa án nhân dân thành phố TN, xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 462/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Văn T, tên gọi khác: không

Sinh ngày 18/9/1993

ĐKHKTT và chỗ ở xóm C, xã Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; Con ông Trương Văn D, sinh năm 1967, hiện đang đi cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4; Con bà Dương Thị T, sinh năm 1974, trú tại xóm C, xã Q, thành phố TN; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Có vợ là Trần Thị Hoài P, sinh năm 1992 (Kết hôn ngày 09/11/2018), chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang được tại ngoại (Bị tạm giữ từ ngày 14/9/2018 đến ngày 22/9/2018) *(Có mặt tại phiên tòa)*

Người làm chứng: Anh Đoàn Đức C, sinh năm 1997

Trú tại: Xóm Trại C, xã T, huyện Y, tỉnh B.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2001

Trú tại: Thôn Q, xã T, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện hợp pháp của chị H: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (Mẹ chị H).

Trú tại: Khu M, phường Đ, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

Người chứng kiến: Ông Đào Văn D, sinh năm 1963

Trú tại tổ 7, phường G, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ ngày 14/9/2018, tổ C tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy C an thành phố T Nguyên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân với nội dung tại phòng số 318 của Nhà nghỉ 68 thuộc tổ 7, phường G, thành phố TN có các đối tượng tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ C tác tiến hành kiểm tra, xác minh. Quá trình kiểm tra, tổ C tác phát hiện tại phòng số 318 của nhà nghỉ 68 có 04 nam, nữ thanh niên, bao gồm: Trương Văn T, Hà Thị L (sinh năm 1999, trú tại thôn B, xã C, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn), Đoàn Đức C (sinh năm 1997, trú tại xóm Trại C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang) và Nguyễn Thị H (sinh năm 2001, trú tại thôn Q, xã T, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên). T và L đã tự giác khai nhận bản thân có cất giấu ma túy. T tự giác lấy từ mặt tủ gỗ trong phòng nghỉ 01 túi ni lông màu trắng, bên trong chứa 01 viên nén hình tròn màu xanh nước biển và 03 nửa viên nén hình tròn màu xanh lá cây giao nộp cho tổ công tác. T khai nhận số viên nén trên là ma túy tổng hợp dạng "kẹo" của T. Tổ Công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định (BL 30 - 36).

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố TN tiến hành mở niêm phong và cân xác định khối lượng 01 viên nén hình tròn màu xanh nước biển thu giữ của T là 0,307 gam, lấy toàn bộ đưa vào bì niêm phong ký hiệu T1 gửi giám định; Khối lượng 03 nửa viên nén hình tròn màu xanh lá cây thu giữ của T là 0,576 gam, lấy toàn bộ đưa vào bì niêm phong ký hiệu T2 gửi giám định (BL 37). Tổng khối lượng số viên nén thu giữ của T là 0,883 gam.

Tại bản Kết luận giám định số 1049/KL-PC09 ngày 21/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Viên nén màu xanh nước biển trong mẫu T1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 0,307 gam; Viên nén màu xanh lá cây trong mẫu T2 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 0,576 gam (BL 28).

Tại cơ quan điều tra, Trương Văn T khai nhận: Trước đây, T được 01 người bạn (không rõ nhân thân, lai lịch) cho 04 viên ma túy tổng hợp dạng "kẹo" (gồm 03 viên hình tròn màu xanh lá cây và 01 viên hình tròn màu xanh nước biển) để sử dụng. Đến khoảng 04 giờ ngày 14/9/2018, T mang theo số ma túy trên và cùng L, C, H đến thuê phòng Karaoke tại nhà nghỉ 68 để hát. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, cả nhóm thuê phòng số 318 của nhà nghỉ 68 do anh Ngô Minh S (sinh năm 1978, trú tại tổ 15, phường Q thành phố TN) làm quản lý để nghỉ. Tại đây, T lấy từ trong túi quần ra 01 túi ni lông chứa 04 viên ma túy tổng hợp dạng "kẹo" ra, T bẻ đôi 03 viên ma túy màu xanh lá cây và rủ L, C, H

sử dụng; L, C, H đồng ý. T và C mỗi người đã sử dụng một nửa viên màu xanh lá cây, L và H mỗi người đã sử dụng 1/4 viên màu xanh lá cây. Còn lại 01 viên màu xanh nước biển và 03 nửa viên màu xanh lá cây T cất trong túi ni lông, để trên mặt tủ gỗ trong phòng nghỉ thì bị tổ công tác phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên.

Lời khai trên của Trương Văn T phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án (BL 38 - 86).

Vật chứng của vụ án là:

- 02 bì niêm phong ký hiệu T1, T2.

Hiện được chuyển đến bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 459/CT-VKSTPTN ngày 24 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đã truy tố bị cáo Trương Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Trong phần luận tội tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các căn cứ xác định bị cáo Trương Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đánh giá nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt Trương Văn T từ 18 đến 24 tháng tù giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 02 bì niêm phong ký hiệu T1, T2 là chất ma túy loại MDMA.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến cũng không kiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và vật chứng thu giữ. Hội đồng xử có đủ căn cứ kết luận: Hồi 08 giờ ngày 14/9/2018, tại khu vực tổ 7, phường G, thành phố TN, Trương Văn T đang có hành vi tàng trữ 0,883 gam ma túy loại MDMA để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an thành phố TN phát hiện, bắt quả tang, thu giữ niêm phong toàn bộ vật chứng.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Bị cáo đã biết ma túy là chất cấm, được Nhà quản lý nhưng vấn cố tình tàng trữ để sử dụng cho bản thân với khối lượng 0,883 gam ma túy loại MDMA. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát thành phố TN truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 249 quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy...thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

……..

c, Heroine, cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, hoặc XLR- 11 có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam".

[4] Xét tính chất mức độ của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy: Trương Văn T không phải là đối tượng nghiện ma túy, Thái phạm tội lần đầu do ham chơi, đua đòi với bạn bè nhưng bản thân chưa từng có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Từ những

nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để bị cáo thấy được sự nghiêm khắc của pháp luật, biết tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành người lương thiện.

[6] Vật chứng của vụ án: Căn cứ vào 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Tich thu tiêu hủy 02 bì niêm phong ký hiệu T1, T2, là chất ma túy loại MDMA.

[7] Về hình phạt bổ sung và án phí

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù lẽ ra Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, theo Trương Văn T khai, T được 01 người bạn cho T trước đó. Do không xác định được lai lịch địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

Đối với anh Ngô Minh S là người cho các đối tượng thuê phòng nghỉ nhưng anh S không biết các đối tượng thuê phòng để sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh S.

Đối với Đoàn Đức C và Nguyễn Thị H là những đối tượng có hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" ngày 14/9/2018 tại Nhà nghỉ 68 thuộc tổ 7, phường G, thành phố TN. Hành vi trên của C và H không cấu thành tội phạm. Công an thành phố TN đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C và H.

Đối với Hà Thị L ngoài hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" cùng C, H ngày 14/9/2018 còn có hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" ngày 14/9/2018 tại Nhà nghỉ 68 thuộc tổ 7, phường G, thành phố TN. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T Nguyên đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong vụ án khác.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

*Tuyên bố***:** Bị cáo Trương Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1.Xử phạt: Bị cáo Trương Văn T 15 (mười lăm) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án (Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/9/2018 đến ngày 22/9/2018).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 bì niêm phong ký hiệu T1, T2 bên trong có chất ma túy loại MDMA.

(Biên bản giao nhận vật chứng số 27 ngày 24/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trương Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà Nước.

Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- C an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thuận